



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 31 + 32

Ngày 01 tháng 4 năm 2021

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 11-3-2021- Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 3

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 05-02-2021- Quyết định số 430/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục “Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và Nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025”. 17

- 08-3-2021- Quyết định số 750/QĐ-UBND ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030. 24

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

- 22-01-2020- Quyết định số 56/QĐ-UBND về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 3 ban hành. 42

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của  
Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm*

2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-VPCP-BNV ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 1586/TTr-VP ngày 03 tháng 3 năm 2021; của Sở Nội vụ tại Công văn số 3911/TTr-SNV ngày 15 tháng 9 năm 2020 và số 5302/SNV-TCBC&TCPCP ngày 18 tháng 12 năm 2020; và thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 4017/STP-VB ngày 26 tháng 8 năm 2020.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2021; và thay thế Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của**

**Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Vị trí, chức năng**

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (sau đây gọi tắt là Văn phòng) là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố về: chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; đầu mối Cổng thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; quản lý công báo và phục vụ các hoạt động chung của Ủy ban nhân dân Thành phố; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

Văn phòng có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Trụ sở làm việc đặt tại: số 86 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành

a) Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Văn bản hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức;

d) Văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó đơn vị thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành

a) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Các văn bản khác theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổng hợp đề nghị của các Sở, cơ quan ngang Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (sau đây gọi chung là Sở), Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, cơ quan, tổ chức liên quan;

b) Kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đưa vào chương trình, kế hoạch công tác những vấn đề cần tập trung chỉ đạo, điều hành hoặc giao cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng đề án, dự án, dự thảo văn bản;

c) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác;

d) Theo dõi, đôn đốc các Sở, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng;

e) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện; kiến nghị giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch công tác;

g) Kịp thời báo cáo, điều chỉnh chương trình, kế hoạch công tác, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

#### 4. Phục vụ hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố

- a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung, phục vụ các cuộc họp của Ủy ban nhân dân Thành phố;
- b) Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo;
- c) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố;
- d) Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

5. Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp;
- b) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra công tác đối với các Sở, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức;
- c) Thực hiện nhiệm vụ trước Hội đồng nhân dân Thành phố; tiếp xúc, báo cáo, trả lời kiến nghị của cử tri;
- d) Chỉ đạo, áp dụng biện pháp cần thiết giải quyết công việc trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp;
- e) Cải tiến lề lối làm việc; duy trì kỷ luật, kỷ cương của bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương.

6. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về kiểm soát thủ tục hành chính; cải cách thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của các cấp; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành, quản lý Cổng dịch vụ công Thành phố; tiếp nhận, xử lý, công khai phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và thực hiện thủ tục hành chính; đơn giản hóa chế độ báo cáo.

7. Tiếp nhận, xử lý, trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết những văn bản, hồ sơ do các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi, trình (văn bản đến):

- a) Đối với đề án, dự án, dự thảo văn bản do các cơ quan trình: Kiểm tra hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản; tóm tắt nội dung, nêu rõ thẩm quyền quyết định, sự đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban

nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với vấn đề liên quan, đề xuất một trong các phương án: ban hành; phê duyệt; đưa ra phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố; gửi lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố; thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu cơ quan soạn thảo hoàn chỉnh lại, lấy thêm ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong quá trình xử lý, nếu đề án, dự án, dự thảo văn bản còn ý kiến khác nhau, chủ trì họp với cơ quan, tổ chức liên quan để trao đổi trước khi trình;

b) Đối với dự thảo báo cáo, bài phát biểu: Phối hợp với các cơ quan liên quan biên tập, hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Đối với văn bản khác: kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan liên quan triển khai thực hiện; tổ chức các điều kiện cần thiết để Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý theo quy định của pháp luật và nội dung văn bản đến.

8. Phát hành, quản lý, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Quản lý, sử dụng con dấu, phát hành văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; định kỳ rà soát, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành;

c) Rà soát nhằm phát hiện vướng mắc, phát sinh về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục và nghiệp vụ hành chính văn phòng trong quá trình chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung; hàng năm, tổng hợp, báo cáo Văn phòng Chính phủ;

d) Lưu trữ văn bản, hồ sơ, tài liệu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

#### 9. Thực hiện chế độ thông tin

a) Tổ chức quản lý, cập nhật thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;



b) Quản lý, cập nhật thông tin, vận hành hạ tầng kỹ thuật Công thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố và Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về hoạt động của Công Thông tin điện tử và kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Tham mưu, xây dựng các giải pháp, triển khai, quản lý, vận hành ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý hành chính nhà nước và cải cách hành chính của Thành phố;

e) Quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố;

g) Đảm bảo công tác bảo mật và an toàn thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố; phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các giải pháp bảo mật cho các hệ thống thông tin và các giải pháp giám sát an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của Ủy ban nhân dân Thành phố;

h) Tham gia triển khai các dự án liên quan đến lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin do Ủy ban nhân dân Thành phố giao quản lý, vận hành và triển khai;

i) Xuất bản, phát hành Công báo Thành phố.

#### 10. Bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật

a) Bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Phục vụ các chuyến công tác, làm việc, tiếp khách của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

#### 11. Hướng dẫn nghiệp vụ hành chính văn phòng

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố tổng kết, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ hành chính văn phòng đối với Văn phòng các Sở, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, công chức Văn phòng - Thống kê xã, phường, thị trấn.

#### 12. Thực hiện nhiệm vụ quản trị nội bộ

a) Tổ chức thực hiện các văn bản, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan có thẩm

quyền ban hành hoặc phê duyệt liên quan đến hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Tiếp nhận, xử lý văn bản do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; ban hành và quản lý văn bản theo quy định;

c) Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ được giao;

e) Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

g) Thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

h) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định;

i) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC**

#### **Điều 3. Lãnh đạo Văn phòng**

1. Văn phòng có Chánh Văn phòng và không quá 05 Phó Chánh Văn phòng; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Chánh Văn phòng là người chỉ đạo, điều hành toàn bộ các hoạt động của Văn phòng; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố theo Quy chế làm việc và

phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chánh Văn phòng ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành, phối hợp, đơn đốc các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức chuẩn bị các đề án trình Ủy ban nhân dân Thành phố; thư mời họp của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; thông báo truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đến các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện; cung cấp cho các cơ quan thông tin đại chúng thông tin do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tạo ra và thông tin do Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tạo ra; sao y các văn bản và thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký các văn bản để thực hiện công việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

4. Phó Chánh Văn phòng giúp Chánh Văn phòng thực hiện nhiệm vụ được Chánh Văn phòng phân công theo dõi từng lĩnh vực công việc; được ký thay Chánh Văn phòng một số loại văn bản Chánh Văn phòng ký thừa lệnh theo lĩnh vực được phân công; chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng, trước pháp luật về lĩnh vực được phân công.

Khi Chánh Văn phòng vắng mặt, một Phó Chánh Văn phòng được Chánh Văn phòng ủy nhiệm điều hành hoạt động của Văn phòng.

#### **Điều 4. Tổ chức bộ máy của Văn phòng**

##### 1. Các phòng

a) Khối nghiên cứu tổng hợp gồm: Phòng Dự án, Phòng Đô thị, Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng Kinh tế, Phòng Nội chính - Pháp chế, Phòng Tổng hợp, Phòng Văn xã. Khối hành chính gồm: Phòng Hành chính - Tổ chức, Phòng Quản trị - Tài vụ.

b) Mỗi Phòng có Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng. Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng do Chánh Văn phòng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ.

c) Số lượng Phó Trưởng phòng cụ thể như sau: Phòng có dưới 10 biên chế công chức được bố trí 1 Phó Trưởng phòng; Phòng có từ 10 đến 14 biên chế công chức được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng; Phòng có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

d) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn

phòng phụ trách lĩnh vực và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng mình.

e) Phó trưởng phòng thực hiện nhiệm vụ được Trưởng phòng phân công theo dõi từng lĩnh vực công việc, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, trước pháp luật về lĩnh vực được phân công.

g) Công chức, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và phân công công việc của lãnh đạo Văn phòng và lãnh đạo Phòng; thực hiện chế độ báo cáo theo Quy chế làm việc của Văn phòng.

## 2. Ban Tiếp công dân Thành phố

a) Ban Tiếp công dân Thành phố là đơn vị trực thuộc Văn phòng; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy và Chánh Văn phòng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, hoạt động của các đoàn thể quần chúng và tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị được Ủy ban nhân dân Thành phố và Chánh Văn phòng giao.

b) Ban Tiếp công dân Thành phố có con dấu riêng theo quy định của Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Nội vụ để phục vụ công tác tiếp công dân và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định pháp luật.

c) Ban Tiếp công dân Thành phố hoạt động theo chế độ thủ trưởng; có Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban và các công chức làm công tác tiếp công dân. Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chánh Văn phòng. Trưởng ban Ban Tiếp công dân Thành phố do 01 Phó Chánh Văn phòng phụ trách, Phó Trưởng ban Ban Tiếp công dân Thành phố tương đương cấp Trưởng phòng.

3. Các đơn vị sự nghiệp gồm: Nhà khách Hương Sen (đơn vị sự nghiệp hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính), Trung tâm Tin học, Trung tâm Công báo.

Đơn vị sự nghiệp hoạt động thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và theo quy chế riêng.

4. Biên chế của các Phòng và Ban Tiếp công dân Thành phố là biên chế hành chính do Chánh Văn phòng quyết định trong tổng biên chế hành chính của Văn phòng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm trên cơ sở vị trí việc làm, điều kiện làm việc, khối lượng, quy mô và tính chất công việc trong việc thực hiện nhiệm vụ của các Phòng, Ban.

### **Chương III**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

#### **Điều 5. Chế độ trách nhiệm**

1. Văn phòng làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.
2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm đối với những vấn đề tham mưu, đề xuất thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.
3. Công chức, lãnh đạo Phòng và lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm về ý kiến tham mưu, đề xuất của mình.

#### **Điều 6. Chế độ giao ban, hội họp**

1. Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng dự giao ban hàng tuần với Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố. Hàng tuần tham gia họp Lãnh đạo Văn phòng để giải quyết công việc chung.
2. Các Phòng chuyên môn mỗi tháng sinh hoạt ít nhất 01 lần.
3. Định kỳ mỗi tháng một lần, Chánh Văn phòng họp với các Phó Chánh Văn phòng, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, các Phòng và các công chức để đánh giá kết quả thực hiện công việc trong tháng và kế hoạch nhiệm vụ công tác của tháng tiếp theo hoặc tổ chức sinh hoạt thời sự, các chuyên đề khoa học để góp phần nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức.
4. Định kỳ hàng quý, Chánh Văn phòng sinh hoạt với Đảng ủy, Ban Chấp hành Công đoàn, Ban Chấp hành Đoàn thanh niên, Hội cựu Chiến binh để đánh giá kết quả phối hợp công tác giữa Đảng, chính quyền và đoàn thể.
5. Hàng năm, Văn phòng tổ chức hội nghị tổng kết để thảo luận đánh giá kết quả đã đạt được, những mặt tồn tại và thông qua chương trình công tác của năm sau.
6. Ngoài các cuộc họp và hội nghị nêu trên, Chánh Văn phòng có thể triệu tập các cuộc họp bất thường để phổ biến, triển khai những công việc đột xuất.

#### **Điều 7. Chế độ đi công tác cơ sở**

Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng, Lãnh đạo các phòng, ban, trung tâm, công chức, viên chức phải thực hiện chế độ đi cơ sở thông qua chương trình công tác, lịch làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố và thông qua các cơ chế liên

ngành giải quyết công việc theo chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố.

Công chức, viên chức chuẩn bị nội dung công việc trước khi đi cơ sở và báo cáo kết quả cho Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng trực tiếp phụ trách.

### **Điều 8. Chế độ tiếp khách**

Cán bộ, công chức, viên chức khi tiếp các đơn vị đến làm việc với Văn phòng phải có thái độ ân cần, chu đáo, lịch sự, văn minh. Cán bộ, công chức, viên chức chỉ được tiếp nhận và giải quyết công việc của công dân, tổ chức tại trụ sở Văn phòng (theo khu vực quy định).

### **Điều 9. Giờ giấc làm việc**

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải chấp hành giờ giấc làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động và Nội quy cơ quan. Lãnh đạo Văn phòng, các Trưởng phòng có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi và đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức thực hiện giờ giấc làm việc theo đúng quy định.

## **Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

### **Điều 10. Đối với Văn phòng Chính phủ và các Văn phòng cơ quan Trung ương**

Văn phòng chịu sự hướng dẫn về nghiệp vụ hành chính của Văn phòng Chính phủ, quan hệ với Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước để kịp thời nắm bắt thông tin cần thiết giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức chỉ đạo đúng các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước cấp trên.

### **Điều 11. Đối với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố**

1. Phối hợp với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố xây dựng chương trình làm việc, lịch công tác, cung

cấp thông tin, tư liệu phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chuẩn bị các nội dung mà Ủy ban nhân dân Thành phố cần báo cáo trước Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố bảo đảm điều kiện phương tiện, cơ sở vật chất cần thiết cho các kỳ họp và một số hoạt động của Hội đồng nhân dân Thành phố.

### **Điều 12. Đối với tổ chức đoàn thể và tổ chức quần chúng xã hội**

Văn phòng có trách nhiệm quan hệ công tác thường xuyên với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng để nắm bắt và cung cấp các thông tin có liên quan đến chỉ đạo điều hành hoạt động của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Quy chế phối hợp giữa Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố.

### **Điều 13. Đối với sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức**

1. Văn phòng có mối quan hệ chặt chẽ với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố để nắm bắt tình hình trên địa bàn Thành phố; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Quyết định, Chỉ thị và các chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức chuẩn bị những nội dung công việc, đề án trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Định kỳ hướng dẫn văn phòng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức về nghiệp vụ hành chính, văn thư đảm bảo sự thống nhất trên toàn Thành phố theo quy định của Chính phủ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14.** Căn cứ Quy chế này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và Quy chế làm việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; sắp xếp, bố trí, điều động, bổ nhiệm, kiện toàn đội ngũ công chức, viên chức đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

**Điều 15.** Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu xét thấy cần thiết, Chánh Văn phòng và Giám đốc Sở Nội vụ kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn của Thành phố./.



## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 430/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2021*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục “Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và  
Nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của Thành phố Hồ Chí Minh  
giai đoạn 2021 - 2025”**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 5914/TTr-SCT ngày 21 tháng 10 năm 2020 và Công văn số 7165/SCT-QLCN ngày 21 tháng 12 năm 2020 về Tiêu chí và Danh mục Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và Nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025.*

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí xác định Danh mục Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và Nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 (tại Phụ lục 1) và Danh mục Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và Nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 (tại Phụ lục 2).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành gồm: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố, các Hội đồng phát triển ngành công nghiệp Thành phố, Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố, các tổ chức Hội ngành nghề và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**PHỤ LỤC 1**  
**TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH NHÓM SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC**  
**VÀ NHÓM SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TIỀM NĂNG CỦA**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**1. Tiêu chí chung**

**1.1. Tiêu chí chung của sản phẩm công nghiệp chủ lực:**

- Sản phẩm được sản xuất bởi doanh nghiệp của thành phố, đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sản phẩm có thiết kế sáng tạo, tính ưu việt, có độ bền và chất lượng cao. Ưu tiên cho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc gia hay tiêu chuẩn quốc tế.
- Ưu tiên cho các sản phẩm được sản xuất với hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Doanh thu từ sản phẩm chiếm tỷ lệ cao và đóng góp quan trọng cho ngành; có giá trị gia tăng và năng suất lao động cao.
- Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất sản phẩm, thân thiện môi trường.
- Đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước hay ngoài nước. Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu hay có tiềm năng xuất khẩu. Có khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển ngành và các ngành khác cùng tăng trưởng.
- Không vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ.

**1.2. Tiêu chí chung của sản phẩm công nghiệp tiềm năng:**

- Là các sản phẩm đạt được một số tiêu chí của sản phẩm công nghiệp chủ lực nêu trên nhưng chưa đạt tiêu chí về doanh thu cao và tỷ trọng lớn trong ngành.
- Có thị trường tiềm năng phát triển mạnh trong tương lai.
- Có khả năng phát triển thành sản phẩm công nghiệp chủ lực trong tương lai.

**2. Tiêu chí riêng của từng ngành:**

Ngoài tiêu chí chung, các sản phẩm phải đáp ứng tiêu chí của từng ngành, cụ thể như sau:

### **2.1. Đối với ngành Cơ khí:**

- Sản phẩm là máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, giao thông vận tải, y tế kỹ thuật cao, điện tử - công nghệ thông tin - viễn thông.

- Sản phẩm là linh phụ kiện để sản xuất máy móc, thiết bị trực tiếp hoặc được lắp đặt trong các dây chuyền tự động phục vụ cho sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, giao thông vận tải, y tế kỹ thuật cao, điện tử - công nghệ thông tin - viễn thông.

- Sản phẩm được sản xuất qua quá trình nghiên cứu, thiết kế sáng tạo.

### **2.2. Đối với ngành Cao su - Nhựa:**

- Sản phẩm có tính cạnh tranh cao đối với sản phẩm nhập khẩu cùng loại.

- Sản phẩm cung ứng cho các ngành công nghiệp khác (như cơ khí, xây dựng, giao thông vận tải, y tế, lương thực - thực phẩm, điện tử - công nghệ thông tin - viễn thông ...) đòi hỏi công nghệ kỹ thuật và độ chính xác cao.

- Quy trình sản xuất tự động hoá cao và ít sử dụng lao động.

- Ưu tiên các sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường.

### **2.3. Đối với ngành Lương thực - Thực phẩm:**

- Sản phẩm có thương hiệu và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Sản phẩm có hệ thống phân phối trong nước hoặc xuất khẩu.

- Sản phẩm phải đạt tiêu chí về đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm và có hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm.

- Sản phẩm có sử dụng nguyên liệu nội địa, các nguyên liệu đưa vào sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm.

### **2.4. Đối với ngành Công nghệ thông tin - Điện tử - Viễn thông:**

- Sản phẩm là nguyên liệu, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất sản phẩm nội địa và xuất khẩu; sản phẩm tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản phẩm.

- Sản phẩm có tính an toàn và ổn định, tiết kiệm năng lượng.

- Sản phẩm có thương hiệu tại Việt Nam.

- Có tác động tích cực về đổi mới công nghệ và hiệu quả kinh tế đối với các ngành kinh tế khác, đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

### **2.5. Đối với ngành Dệt may:**

- Sản phẩm có phương thức sản xuất “mua nguyên liệu, bán thành phẩm” (FOB) trở lên.

- Sản phẩm có tỷ lệ nội địa hóa cao về nguyên phụ liệu.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

- Sản phẩm đảm bảo chất lượng xuất khẩu vào các thị trường lớn: Mỹ, EU, Nhật Bản...

### **2.6. Đối với ngành Dược:**

- Sản phẩm dùng trong bảo vệ sức khỏe bao gồm thuốc và các sản phẩm hỗ trợ điều trị bệnh.

- Sản phẩm được sản xuất trên quy trình và công nghệ cao như công nghệ sinh học, các dạng bào chế mới, các dạng bào chế đặc biệt như phóng thích kéo dài, ứng dụng công nghệ nano trong bào chế các hệ phân tán thuốc...

- Sản phẩm được sơ chế, chế biến, chiết xuất cao dược liệu định chuẩn.

- Sản phẩm được sản xuất bởi doanh nghiệp dược đạt tiêu chuẩn quốc tế: GMP-PIC/S, GMP-EU...

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC NHÓM SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC VÀ**  
**NHÓM SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TIỀM NĂNG CỦA**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**1. Nhóm sản phẩm ngành Cơ khí**

1.1. Sản phẩm từ kim loại thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, gồm các sản phẩm: Khuôn mẫu chính xác cao; Kết cấu thép siêu trường siêu trọng; Đúc phôi chi tiết máy; Chi tiết máy; Linh kiện tiêu chuẩn; Vật tư tiêu hao.

1.2. Sản phẩm thiết bị điện thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, gồm các sản phẩm: Thiết bị điện; Dây và cáp điện; Động cơ điện.

1.3. Sản phẩm máy móc thiết bị thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng, gồm các sản phẩm: Máy móc, Thiết bị phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, dệt may, chế biến thực phẩm; Động cơ, Máy công cụ; Thiết bị nâng hạ.

**2. Nhóm sản phẩm ngành Cao su - Nhựa**

Sản phẩm từ Cao su - Nhựa thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, gồm các sản phẩm: Nhựa bao bì đa lớp; Nhựa sinh học; Nhựa tái chế; Nhựa y tế; Nhựa gia dụng; Nhựa xây dựng - giao thông; Nhựa kỹ thuật; Săm lốp xe; Cao su kỹ thuật; Nệm cao su các loại.

**3. Nhóm sản phẩm ngành Lương thực - Thực phẩm**

3.1. Sản phẩm thực phẩm chế biến thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, gồm các sản phẩm: Sữa và sản phẩm từ bơ, sữa; Sản phẩm ăn liền; Sản phẩm gia vị; Thực phẩm chế biến; Thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Bánh kẹo các loại; Sản phẩm chế biến từ tinh bột.

3.2. Sản phẩm đồ uống thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, gồm các sản phẩm: Nước giải khát; Nước khoáng; Nước Ion kiềm.

**4. Nhóm sản phẩm ngành Công nghệ Thông tin - Điện tử - Viễn thông**

Sản phẩm công nghệ thông tin - điện tử - viễn thông thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, gồm các sản phẩm: Phần cứng; Phần mềm; Nội dung số.

**5. Nhóm sản phẩm ngành Dệt may**

Sản phẩm Trang phục may sẵn thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, gồm các sản phẩm: Trang phục công sở; Jean; Kaki; Bộ com-lê.

**6. Nhóm sản phẩm ngành Dược**

Sản phẩm thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vắc xin và sinh phẩm thuộc Nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng, gồm các sản phẩm: Thuốc chuyên khoa đặc trị như điều trị ung thư; Chế phẩm từ huyết tương; Thuốc nhỏ mắt vô trùng; Thuốc tiêm; Thuốc dược liệu hay có nguồn gốc dược liệu; Thuốc y học cổ truyền.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 750/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm  
cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;*

*Căn cứ Kết luận số 767-KL/TU ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa giai đoạn 2020 - 2030;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1016/TTr-SCT ngày 26 tháng 02 năm 2021 về ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban,



---

ngành Thành phố, Thành viên Hội đồng phát triển ngành cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH**

**Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa**

**Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 750 /QĐ-UBND*

*ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Ngành cao su - nhựa là một trong bốn ngành công nghiệp trọng điểm của Thành phố, chiếm tỷ trọng 7,40% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, đóng góp 5,87% giá trị gia tăng toàn ngành công nghiệp. Đây là ngành sản xuất có tỷ trọng lớn trong toàn ngành công nghiệp, sản phẩm cao su - nhựa của doanh nghiệp thành phố có tính cạnh tranh cao trên thị trường, các sản phẩm nhựa chiếm 80% sản lượng cả nước và đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu, các sản phẩm bao bì đa lớp chỉ có các doanh nghiệp tại Thành phố đủ năng lực sản xuất.

Tuy nhiên, ngành cao su - nhựa có sự tăng trưởng chưa cao, phần lớn doanh nghiệp sản xuất còn phụ thuộc vào nguyên phụ liệu nhập khẩu; hạn chế về thiết bị, công nghệ, giá thành, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng trong sản phẩm chưa cao.

Nhằm định hướng phát triển ngành cao su - nhựa theo hướng công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu, chủ động trong các khâu nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm cao su - nhựa, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, Thành phố xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030 để phát triển đúng trọng tâm, trọng điểm trong giai đoạn tới.

Do đó, cần thiết xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030 để phát triển đúng trọng tâm, trọng điểm trong giai đoạn tới.

### **I. QUAN ĐIỂM - MỤC TIÊU**

#### **1. Quan điểm**

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển nhanh các ngành kinh tế chủ lực có giá trị gia tăng cao. Phát triển công nghiệp có hàm lượng khoa học - công nghệ dựa trên nền tảng công nghiệp công nghệ cao và kinh tế số; đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ và tiếp tục phát triển 4 ngành công nghiệp trọng yếu; trong đó, phát huy vai trò của ngành cao su - nhựa trong toàn ngành công nghiệp Thành phố thông qua việc tập trung nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các sản phẩm cụ thể.

- Phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa theo hướng đầu tư công nghệ mới, chú trọng sản xuất các sản phẩm tái chế, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, bảo vệ môi trường.

- Phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa sử dụng các loại vật liệu, công nghệ tiên tiến; ưu tiên phát triển các sản phẩm cao su - nhựa sử dụng cho ngành y tế, các sản phẩm cao su - nhựa có nguồn gốc thiên nhiên hoặc phân hủy sinh học để bảo vệ môi trường, các chi tiết nhựa trong các thiết bị điện - điện tử, màng nhựa phức hợp đa lớp cho thực phẩm, cao su silicone, cao su và polyurethane (PU) làm trục và các chi tiết máy... Thúc đẩy nghiên cứu công nghệ và vận hành tái chế rác thải cao su - nhựa.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt về nghiên cứu vật liệu mới.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

- Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa của Thành phố thông qua việc hỗ trợ đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến mở rộng thị trường.

- Gia tăng đóng góp của các ngành công nghiệp trọng yếu vào GRDP của Thành phố.

- Triển khai cụ thể các giải pháp, đề án, dự án tại Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các đề án, dự án trong Chương trình, từ đó làm cơ sở tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các chính sách ưu đãi thúc đẩy phát triển ngành cao su - nhựa trên địa bàn Thành phố.

- Triển khai Chương trình nhằm thu hút mạnh mẽ nguồn vốn từ các thành phần

kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển nhanh, hiệu quả ngành cao su - nhựa và công nghiệp hỗ trợ của ngành cao su - nhựa. Qua đó, góp phần đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng tăng trưởng công nghiệp nói riêng và kinh tế Thành phố nói chung.

- Thu hút, tiếp nhận (có chọn lọc) các dự án đầu tư; phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên nêu trên thành các ngành công nghiệp hiện đại, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao. Qua đó, tạo sự dẫn dắt, lan tỏa về thị trường, công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp của người lao động; đóng góp trực tiếp vào quá trình tái cơ cấu sản xuất, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế công nghiệp thành phố theo hướng bền vững.

## **2.2. Mục tiêu cơ bản**

### **a) Mục tiêu cơ bản giai đoạn 2020-2025:**

- Xây dựng Chiến lược phát triển ngành cao su - nhựa giai đoạn 2020-2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp thực tế, đảm bảo tính khả thi của Chiến lược.

- Xác định Danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa giai đoạn 2021-2025 để có giải pháp thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển đúng trọng tâm, trọng điểm.

- Xây dựng Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố giai đoạn 2021-2025 trong đó có các sản phẩm của ngành cao su - nhựa cần tập trung phát triển nhằm hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị, mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Hàng năm tổ chức ít nhất 01 khóa đào tạo nguồn nhân lực cho ngành cao su - nhựa.

- Hàng năm tổ chức ít nhất 01 sự kiện xúc tiến thương mại cho ngành cao su - nhựa.

- Nâng cấp, đầu tư bổ sung cho Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp thành phố (trước đây là Trung tâm Kỹ thuật Nhựa - Cao su và Đào tạo quản lý năng lượng) để đáp ứng các nhu cầu kiểm nghiệm, phân tích của ngành, phù hợp với các công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp ngành cao su - nhựa.

- Xây dựng và triển khai Dự án sản xuất hạt nhựa và sản phẩm nhựa từ nguồn

nguyên liệu tái chế (rác thải nhựa) đáp ứng nhu cầu sử dụng nhựa tái chế cho thị trường trong nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đề xuất thí điểm cơ chế chính sách ưu đãi mới, mang tính đột phá dành riêng cho các đối tượng thực hiện các giải pháp, đề án, dự án trong Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030, trọng tâm là chính sách hỗ trợ tham gia Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố đối với các dự án đầu tư ngoài phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quy hoạch, đầu tư một khu công nghiệp mới tại xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh để phục vụ phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, trong đó có ngành cao su - nhựa.

#### **b) Mục tiêu cơ bản giai đoạn 2025-2030:**

- Tiếp tục triển khai và phát huy hiệu quả các đề án, dự án, chương trình thực hiện trong giai đoạn 2020-2025.

- Tiếp tục xây dựng Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố giai đoạn 2025-2030, trong đó có ngành cao su - nhựa.

- Hàng năm tổ chức ít nhất 01 khóa đào tạo nguồn nhân lực cho ngành cao su - nhựa.

- Hàng năm tổ chức ít nhất 01 sự kiện xúc tiến thương mại cho ngành cao su - nhựa.

- Hoàn thành và triển khai các hoạt động thí nghiệm, kiểm nghiệm, nghiên cứu sản xuất thử sản phẩm ngành cao su - nhựa của Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp thành phố (trước đây là Trung tâm Kỹ thuật Nhựa - Cao su và Đào tạo quản lý năng lượng).

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể**

**1.1. Xác định Danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 và các chính sách hỗ trợ phát triển**

- Xây dựng các tiêu chí cụ thể và danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố giai

đoạn 2021-2025.

- Rà soát, công bố danh sách doanh nghiệp sản xuất nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổ chức điều tra, khảo sát doanh nghiệp sản xuất nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa; kịp thời điều chỉnh, bổ sung Danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố giai đoạn 2021-2025.

## **1.2. Phát triển nguồn nhân lực cho ngành cao su - nhựa**

- Xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo kỹ thuật viên và nghiên cứu ứng dụng hỗ trợ phát triển công nghệ cho ngành cao su - nhựa.

- Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật cho các cán bộ thuộc doanh nghiệp ngành cao su - nhựa đủ khả năng tiếp nhận công nghệ mới.

- Triển khai nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới và vật liệu mới trong ngành cao su - nhựa cho các doanh nghiệp nhằm gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp, đáp ứng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp ngành cao su - nhựa về: kỹ thuật, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, các chuẩn sản xuất 5S, Kaizen, sản xuất sạch hơn, thị trường, phát triển sản phẩm thương hiệu...

- Lựa chọn, đầu tư nâng cấp một số trường đào tạo nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực giỏi nghề tiếp cận và vận hành máy móc thiết bị công nghệ tiên tiến.

## **1.3. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường**

- Tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm cung cấp thông tin và quảng bá các sản phẩm ngành cao su - nhựa, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của ngành đến các doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Hỗ trợ chi phí cho các doanh nghiệp của ngành tham gia khảo sát thị trường, các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

- Hàng năm tổ chức 01 hội chợ, triển lãm giới thiệu thành tựu của ngành cao su - nhựa có quy mô lớn tại Thành phố.

- Hàng năm tổ chức 01 hội nghị kết nối các nhà cung ứng sản phẩm cao su - nhựa cho các nhà đầu tư FDI.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp có sản phẩm được bình chọn Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **1.4. Triển khai các giải pháp về kích cầu đầu tư**

##### **1.4.1. Triển khai các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ sản xuất cho ngành cao su - nhựa**

Tham mưu ban hành “Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay theo Chương trình kích cầu đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025”; trong đó có danh mục sản phẩm, dự án của ngành cao su - nhựa. Đề xuất thí điểm cơ chế chính sách ưu đãi mới, mang tính đột phá dành riêng cho các đối tượng thực hiện các giải pháp, đề án, dự án trong ngành cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030, trong đó trọng tâm là chính sách hỗ trợ tham gia Chương trình Kích cầu đầu tư của Thành phố đối với các dự án đầu tư ngoài địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **1.4.2. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn**

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo kết hợp các chương trình truyền thông phổ biến về Chương trình kích cầu đầu tư dành cho Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa giai đoạn 2020-2030.

- Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa giai đoạn 2020-2030 trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ dự án tham gia Chương trình kích cầu đầu tư.

- Đổi mới mô hình và nâng cao hiệu quả hoạt động các Quỹ hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng để đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.

### **1.5. Hỗ trợ phát triển, ứng dụng các giải pháp công nghệ**

- Tư vấn trực tiếp cho doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý chuyên ngành và các hệ thống tích hợp mới phù hợp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai áp dụng các công cụ năng suất phù hợp, cải tiến hoạt động đo lường; áp dụng các công cụ quản trị tài sản trí tuệ để bảo vệ và khai thác có hiệu quả các kết quả hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia, các dự án hỗ trợ cải tiến năng suất - chất lượng của Tổ chức năng suất Châu Á.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện công tác đăng ký doanh nghiệp hoạt động khoa học công nghệ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp hoạt động khoa học công nghệ về thủ tục miễn giảm thuế và trích lập quỹ nghiên cứu phát triển công nghệ của doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ.

### **1.6. Triển khai các giải pháp về truyền thông**

- Xây dựng và vận hành Diễn đàn các doanh nghiệp công nghiệp thành phố nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trao đổi thông tin, kết nối, hợp tác kinh doanh.

- Triển khai các hoạt động truyền thông về ngành cao su - nhựa thông qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm và tổ chức tuyên truyền, quảng bá sản phẩm chủ lực và doanh nghiệp tiêu biểu của ngành cao su - nhựa trên các phương tiện truyền thông.

### **1.7. Hỗ trợ về mặt bằng sản xuất**

- Rà soát, ưu tiên bố trí quỹ đất trong Khu Công nghiệp cho các dự án ngành cao su - nhựa sử dụng công nghệ cao, đảm bảo các tiêu chí về môi trường.

- Quy hoạch phân khu chức năng chuyên ngành trong các Khu công nghiệp mới để bố trí các dự án cùng tính chất ngành nghề; quy hoạch phân lô đất phù hợp với quy mô đầu tư của doanh nghiệp.

- Quy hoạch, đầu tư một khu công nghiệp mới tại xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh để phục vụ phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, trong đó có ngành cao su - nhựa.

- Tổ chức kết nối giữa chủ đầu tư Khu công nghiệp với các doanh nghiệp ngành cao su - nhựa để đáp ứng nhu cầu thuê đất sản xuất; từ đó đề xuất các chính sách hỗ trợ để chủ đầu tư Khu công nghiệp và doanh nghiệp thống nhất hợp tác.



- Xây dựng Đề án chuyển đổi, nâng cấp hoạt động của các Khu chế xuất, Khu công nghiệp hướng đến hình thành các Khu chế xuất, Khu công nghiệp sạch, ít thâm dụng lao động, ứng dụng các công nghệ sản xuất hiện đại, giá trị gia tăng cao.

## **2. Các Đề án cụ thể**

### **2.1. Xây dựng Chiến lược phát triển ngành cao su - nhựa giai đoạn 2020-2030**

- Khảo sát, thu thập thông tin về sản phẩm, công nghệ và doanh nghiệp ngành cao su - nhựa trên địa bàn để đánh giá và đề xuất giải pháp, phương hướng phát triển cho ngành.

- Nghiên cứu xây dựng chuỗi sản xuất ngành cao su - nhựa.

- Đề xuất phát triển, chuyển giao công nghệ tái chế, sản phẩm nhựa sinh học, nhựa y tế; tập trung xác định sản phẩm tạo giá trị gia tăng cao làm động lực phát triển ngành và hỗ trợ các ngành khác phát triển.

### **2.2. Đề án thành lập Trung tâm kiểm nghiệm chất lượng cao su - nhựa đạt tiêu chuẩn quốc tế trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp Thành phố**

Xây dựng và tổ chức triển khai dự án đầu tư trang thiết bị, máy móc cho Phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm và nghiên cứu sản xuất thử sản phẩm ngành cao su, nhựa kỹ thuật; tiến tới đáp ứng hoàn toàn các nhu cầu kiểm nghiệm, phân tích của ngành, phù hợp với các công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp ngành cao su - nhựa.

### **2.3. Đề án sản xuất hạt nhựa và sản phẩm nhựa tái chế**

- Xây dựng và tổ chức triển khai Dự án sản xuất hạt nhựa và sản phẩm nhựa từ nguồn nguyên liệu tái chế (rác thải nhựa) đáp ứng nhu cầu sử dụng nhựa tái chế cho thị trường trong nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Triển khai chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, kết nối các đơn vị thu gom, xử lý rác của thành phố để cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho dự án.

- Tuyên truyền, vận động người dân và doanh nghiệp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, khuyến khích sử dụng sản phẩm nhựa tái chế.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Công Thương:**

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm phối hợp với các Thành viên Hội đồng phát triển ngành cao su - nhựa Thành phố và các Sở ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai các Sở ban ngành, đơn vị liên quan; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện Chương trình.

**2. Thành viên Hội đồng phát triển ngành cao su - nhựa Thành phố:**

Căn cứ các nội dung thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030, chủ động tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp và các Đề án đảm bảo tiến độ, yêu cầu.

**3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Chương trình của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bố trí nguồn kinh phí thực hiện theo quy định.

**4. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành:**

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được phân công (*theo Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm*). Đồng thời, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung theo lĩnh vực quản lý và phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các đề án, dự án thuộc Chương trình.

- Định kỳ hàng quý gửi báo cáo về cơ quan thường trực (Sở Công Thương) tình hình triển khai Chương trình để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

## DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm cao su - nhựa

Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030)

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
<b>I</b>	<b>Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể</b>			
1	Xây dựng các tiêu chí cụ thể và danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố giai đoạn 2021-2025	Quý 1/2021	Sở Công Thương	Thành viên Hội đồng phát triển ngành cao su - nhựa Thành phố (theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố)
2	Rà soát, công bố danh sách doanh nghiệp sản xuất nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố giai đoạn 2021-2025	Quý 1/2021	Sở Công Thương	
3	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố giai đoạn 2021-2025	Quý 1/2021	Sở Công Thương	

4	Tổ chức điều tra, khảo sát doanh nghiệp sản xuất nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa; kịp thời điều chỉnh, bổ sung Danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của ngành cao su - nhựa Thành phố giai đoạn 2021-2025	Hàng năm	Cục Thống kê	Sở Công Thương, các Sở ban ngành liên quan
5	Xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo kỹ thuật viên và nghiên cứu ứng dụng hỗ trợ phát triển công nghệ cho ngành cao su - nhựa	Hàng năm	Thành viên Hội đồng phát triển ngành cao su - nhựa (Đại học Bách Khoa TP.HCM)	Sở Công Thương, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan
6	Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật cho các cán bộ thuộc doanh nghiệp ngành cao su - nhựa đủ khả năng tiếp nhận công nghệ mới			
7	Triển khai nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới và vật liệu mới trong ngành cao su - nhựa cho các doanh nghiệp nhằm gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp, đáp ứng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu			
8	Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp ngành cao su - nhựa về: kỹ thuật, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, các chuẩn sản xuất 5S, Kaizen, sản xuất sạch hơn, thị trường, phát triển sản phẩm thương hiệu...	Hàng năm	Sở Công Thương (Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Doanh nghiệp Thành phố)	Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan

9	Lựa chọn, đầu tư nâng cấp một số trường đào tạo nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực giỏi nghề tiếp cận và vận hành máy móc thiết bị công nghệ tiên tiến	Hàng năm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan
10	Tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm quảng bá, kết nối các sản phẩm ngành cao su - nhựa, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của ngành đến các doanh nghiệp và nhà đầu tư; Hỗ trợ chi phí cho các doanh nghiệp của ngành tham gia khảo sát thị trường, các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước	Hàng năm	Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan
11	Tổ chức 01 hội chợ, triển lãm giới thiệu thành tựu của ngành cao su - nhựa có quy mô lớn tại Thành phố.		Sở Công Thương	Hiệp hội Nhựa thành phố, Hội Cao su - nhựa thành phố và các Sở ban ngành liên quan
12	Tổ chức 01 hội nghị kết nối các nhà cung ứng sản phẩm cao su - nhựa cho các nhà đầu tư FDI.			
13	Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp có sản phẩm được bình chọn “Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh” năm 2020 Tổ chức bình chọn “Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh”	Quý 2/2021  Hàng năm	Sở Công Thương  Sở Công Thương, Thời báo Kinh tế Sài Gòn	Các Sở ban ngành có liên quan  Các Hội ngành nghề, Sở ban ngành có liên quan

14	Xây dựng “Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay theo Chương trình kích cầu đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025”; trong đó có danh mục sản phẩm, dự án của ngành cao su - nhựa. Đề xuất thí điểm cơ chế chính sách ưu đãi mới, mang tính đột phá dành riêng cho các đối tượng thực hiện các giải pháp, đề án, dự án trong ngành cao su - nhựa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030	Quý 1/2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương	Sở Tài chính, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành có liên quan
15	Đổi mới mô hình và nâng cao hiệu quả hoạt động các Quỹ hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng để đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh	Hàng năm	Sở Tài Chính	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước
16	Tổ chức các hội nghị, hội thảo kết hợp các chương trình truyền thông phổ biến về Chương trình kích cầu đầu tư dành cho Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa giai đoạn 2020-2030	Hàng năm	Sở Công Thương, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước (HFIC), Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh TP.HCM	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan
17	Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa giai đoạn 2020-2030 trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ dự án tham gia Chương trình kích cầu đầu tư			
18	Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý chuyên ngành; các công cụ năng suất phù hợp, cải tiến hoạt động đo	Hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành

	lường; các công cụ quản trị tài sản trí tuệ; Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia, các dự án hỗ trợ cải tiến năng suất - chất lượng; hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp hoạt động khoa học công nghệ và các doanh nghiệp được công nhận hoạt động khoa học công nghệ về thủ tục miễn giảm thuế và trích lập quỹ nghiên cứu phát triển công nghệ của doanh nghiệp theo quy định			phố và các Sở ban ngành liên quan
19	Xây dựng và vận hành Diễn đàn các doanh nghiệp công nghiệp thành phố nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trao đổi thông tin, kết nối, hợp tác kinh doanh	Hàng năm	Thành viên Hội đồng phát triển ngành cao su - nhựa Thành phố (Đại học Bách Khoa TP.HCM)	Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan
20	Triển khai các hoạt động truyền thông về ngành cao su - nhựa thông qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm; quảng bá sản phẩm chủ lực và doanh nghiệp tiêu biểu của ngành cao su - nhựa	Hàng năm	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan
21	Rà soát, ưu tiên bố trí quỹ đất trong Khu Công nghiệp cho các dự án ngành cao su - nhựa sử dụng công nghệ cao, đảm bảo các tiêu chí về môi trường	Hàng năm	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Sở Công Thương, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan
22	Quy hoạch phân khu chức năng chuyên ngành trong các Khu công nghiệp mới để bố trí các dự án cùng tính chất ngành nghề; quy hoạch phân lô đất phù hợp với quy mô đầu tư của doanh nghiệp			

23	Quy hoạch, đầu tư một khu công nghiệp mới tại xã Phạm Văn Hai huyện Bình Chánh để phục vụ phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, trong đó có ngành cao su - nhựa			
24	Tổ chức kết nối giữa chủ đầu tư Khu công nghiệp với các doanh nghiệp ngành cao su - nhựa để đáp ứng nhu cầu thuê đất sản xuất; từ đó đề xuất các chính sách hỗ trợ để chủ đầu tư Khu công nghiệp và doanh nghiệp thống nhất hợp tác			
25	Xây dựng Đề án chuyển đổi, nâng cấp hoạt động của các Khu chế xuất, Khu công nghiệp hướng đến hình thành các Khu chế xuất, Khu công nghiệp sạch, ít thâm dụng lao động, ứng dụng các công nghệ sản xuất hiện đại, giá trị gia tăng cao	Quý 3/2021		
<b>II Các Đề án cụ thể</b>				
26	Chiến lược phát triển ngành cao su - nhựa giai đoạn 2020-2030	Năm 2021	Sở Công Thương	Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Nhựa Thành phố, Hội Cao su - Nhựa Thành phố, Thành viên Hội đồng Phát triển ngành cao su - nhựa Thành phố và các Sở ban ngành liên quan



27	Đề án thành lập Trung tâm kiểm nghiệm chất lượng cao su - nhựa đạt tiêu chuẩn quốc tế trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp Thành phố	Năm 2021 - 2023	Sở Công Thương (Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Doanh nghiệp Thành phố)	Các Sở ban ngành liên quan
28	Đề án sản xuất hạt nhựa và sản phẩm nhựa tái chế	Năm 2021	Thành viên Hội đồng Phát triển ngành cao su - nhựa Thành phố (Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa Duy Tân)	Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở ban ngành liên quan

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

## **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/QĐ-UBND

*Quận 3, ngày 22 tháng 01 năm 2020*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực  
do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 3 ban hành**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 5700/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 trên địa bàn Quận 3 được ban hành theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 3;

Thực hiện Kế hoạch số 3745/KH-STP-KtraVB ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Sở Tư pháp về cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh trong kỳ hệ thống hóa 2014-2018 lên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Thực hiện theo Công văn số 4377/STP-KTrVB ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Sở Tư pháp về việc rà soát văn bản quy phạm pháp

luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 3 vẫn còn thể hiện hiệu lực trên hệ thống công báo.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 27/TTr-TP ngày 20 tháng 01 năm 2020,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 108 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 3 ban hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân Quận 3, Trưởng phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Quang Bá**

Mẫu số 03

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Quận 3<sup>1</sup> trong kỳ hệ thống hóa 2019 và xử lý sai sót các kỳ hệ thống hóa<sup>2</sup>**  
(ban hành kèm Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020)

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2019**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
1					
2					
<b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
1					
2					

<sup>1</sup> Tên cơ quan rà soát, hệ thống hóa văn bản.

<sup>2</sup> Tên danh mục có thể thay đổi căn cứ vào mục đích, phạm vi, đối tượng hệ thống hóa văn bản, tổng rà soát văn bản hay rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2014<sup>3</sup>**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
1	Nghị quyết	03/2006/NQ-HĐND, ngày 21/7/2006	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về quyết toán ngân sách năm 2005.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
2	Nghị quyết	04/2006/NQ-HĐND, ngày 21/7/2006	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về quy hoạch kinh doanh ngành nghề “nhảy cảm” trên địa bàn quận 3 trong năm 2006-2007.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
3	Nghị quyết	05/2006/NQ-HĐND, ngày 21/7/2006	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2006-2010) của quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
4	Nghị quyết	06/2006/NQ-HĐND, ngày 21/7/2006	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3	Sai sót các kỳ rà soát trước. Đã tổng kết, có quy hoạch	

<sup>3</sup> Trường hợp văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố thì cơ quan rà soát đưa văn bản đó vào danh mục văn bản để công bố.

			đến năm 2020.	khác thay thế.	
5	Nghị quyết	07/2006/NQ-HĐND, ngày 21/7/2006.	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
6	Nghị quyết	06/2007/NQ-HĐND, ngày 20/7/2007	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2007.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
7	Nghị quyết	07/2007/NQ-HĐND, ngày 20/7/2007	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về quy hoạch kinh doanh một số ngành nghề “nhảy cảm”, thương mại, dịch vụ văn hóa; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn quận 3 trong giai đoạn năm 2006-2010.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
8	Nghị quyết	08/2007/NQ-HĐND, ngày 20/7/2007	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về quyết toán ngân sách năm 2006.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
9	Nghị quyết	09/2007/NQ-HĐND, ngày 20/7/2007	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2007.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành	

				VBQPPL năm 2015.	
10	Nghị quyết	10/2007/NQ-HĐND, ngày 20/7/2007	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về bổ sung danh mục đầu tư xây dựng cơ bản của quận 3 năm 2007.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
11	Nghị quyết	11/2007/NQ-HĐND, ngày 14/12/2007	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về dự toán thu - chi ngân sách của quận 3 trong năm 2008.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
12	Nghị quyết	12/2007/NQ-HĐND, ngày 14/12/2007	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về phê duyệt danh mục các công trình - dự án và kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của quận 3 năm 2008.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
13	Nghị quyết	01/2008/NQ-HĐND, ngày 18/01/2008	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của quận 3 năm 2008	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
14	Nghị quyết	02/2008/NQ-HĐND, ngày 18/01/2008	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân quận 3 năm 2008	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	

15	Nghị quyết	03/2008/NQ-HĐND, ngày 18/01/2008	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2006-2010) của 14 phường quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
16	Nghị quyết	04/2008/NQ-HĐND, ngày 17/7/2008	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
17	Nghị quyết	05/2008/NQ-HĐND, ngày 17/7/2008	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về quyết toán thu, chi ngân sách năm 2007.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
18	Nghị quyết	06/2008/NQ-HĐND, ngày 17/7/2008	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2008.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
19	Nghị quyết	01/2009/NQ-HĐND, ngày 08/01/2009	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của quận 3 năm 2009.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	



20	Nghị quyết	02/2009/NQ-HĐND, ngày 08/01/2009	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
21	Nghị quyết	03/2009/NQ-HĐND, ngày 08/01/2009	Của Hội đồng nhân dân quận 3 về bổ sung nội dung quy hoạch quảng cáo ngoài trời năm 2009-2010 trên địa bàn quận 3	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
22	Quyết định	01/2013/QĐ-UBND, ngày 08/02/2013	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về sửa đổi Điều 2 Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, xét duyệt các vấn đề liên quan đến học viên và người sau cai nghiện ma túy ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định 39/QĐ-UBND 27/01/2014 bãi bỏ văn bản.	
23	Quyết định	01/2012/QĐ-UBND, ngày 03/6/2012	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế hoạt động của hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, xét duyệt các vấn đề liên quan đến học viên và người sau cai nghiện ma túy.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định 39/QĐ-UBND 27/01/2014 bãi bỏ văn bản.	
24	Quyết	10/2011/QĐ-UBND,	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về	Sai sót các kỳ rà soát trước,	

	định	ngày 28/12/2011	ban hành Ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quận 3.	đã có Quyết định 39/QĐ-UBND 27/01/2014 bãi bỏ văn bản.	
25	Quyết định	07/2011/QĐ-UBND, ngày 02/11/2011	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có quy định mới của UBND Thành phố.	
26	Quyết định	06/2011/QĐ-UBND, ngày 27/10/2011	Của Ủy ban nhân dân quận 3 ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Ủy ban nhân dân 14 phường quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, căn cứ pháp lý cơ quan ban hành đã hết hiệu lực (có Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND, ngày 27/12/2017 của UBND Thành phố điều chỉnh).	
27	Quyết định	05/2011/QĐ-UBND, ngày 12/10/2011	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực toàn bộ. Đơn vị đã chuyển về quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.	
28	Quyết định	04/2011/QĐ-UBND, ngày 30/9/2011	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, một số căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực.	
29	Quyết định	03/2011/QĐ-UBND, ngày 16/9/2011	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về thành lập Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận 3 thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường	Sai sót các kỳ rà soát trước, căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực toàn bộ. Đơn vị đã chuyển về quản lý của Sở	

			quận 3.	Tài nguyên và Môi trường.	
30	Quyết định	02/2011/QĐ-UBND, ngày 03/8/2011	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Ủy ban nhân dân quận 3 và các cơ quan chuyên môn thuộc quận.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có văn bản khác thay thế.	
31	Quyết định	01/2011/QĐ-UBND, ngày 26/01/2011	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Quản lý đô thị quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, các căn cứ pháp lý ban hành hầu hết đã hết hiệu lực.	
32	Quyết định	09/2010/QĐ-UBND, ngày 08/12/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời hạn hiệu lực trên văn bản. Đã kết thúc nhiệm kỳ và có quy chế mới.	
33	Quyết định	07/2010/QĐ-UBND, ngày 19/8/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, các căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực (đã có Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 10/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận hành quy chế mới).	
34	Quyết định	06/2010/QĐ-UBND, ngày 06/4/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, các căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực. Không còn phù hợp với tên gọi và quy mô tổ chức mới.	

35	Quyết định	05/2010/QĐ-UBND, ngày 06/4/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, các căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực (đã có Quyết định số 94/QĐ-UBND, ngày 8/5/2017 của Ủy ban nhân dân quận ban hành quy chế mới).
36	Quyết định	04/2010/QĐ-UBND, ngày 03/3/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, các căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực (đã có Quyết định số 608/QĐ-UBND, ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân quận ban hành quy chế mới).
37	Quyết định	03/2010/QĐ-UBND, ngày 01/02/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, các căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực (đã có Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 08/01/2016 của Ủy ban nhân dân quận ban hành quy chế mới).
38	Quyết định	02/2010/QĐ-UBND, ngày 01/02/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, các căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực (đã có Quyết định của UBND Thành phố ban hành quy chế mới).

39	Quyết định	01/2010/QĐ-UBND, ngày 01/02/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, các căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực (đã có Quyết định số 588/QĐ-UBND, ngày 30/11/2018 của Ủy ban nhân dân quận ban hành quy chế mới).	
40	Quyết định	10/2009/QĐ-UBND, ngày 24/12/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
41	Quyết định	09/2009/QĐ-UBND, ngày 17/12/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
42	Quyết định	06/2009/QĐ-UBND, ngày 28/9/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 3 thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
43	Quyết định	05/2009/QĐ-UBND, ngày 20/7/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
44	Quyết định	04/2009/QĐ-UBND, ngày 26/5/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về thành lập Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	

45	Quyết định	03/2009/QĐ-UBND, ngày 21/5/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
46	Quyết định	02/2009/QĐ-UBND, ngày 14/5/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
47	Quyết định	01/2009/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về đổi tên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 3 thành Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
48	Quyết định	05/2008/QĐ-UBND, ngày 18/11/2008	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm từ 12m trở xuống các phường 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
49	Quyết định	04/2008/QĐ-UBND, ngày 19/8/2008	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng các phường thuộc quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước. Đã giải thể	
50	Quyết định	03/2008/QĐ-UBND, ngày 09/5/2008	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây	Sai sót các kỳ rà soát trước. Đã giải thể	

			dựng quận 3.		
51	Quyết định	02/2008/QĐ-UBND, ngày 30/01/2008	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
52	Quyết định	01/2008/QĐ-UBND, ngày 30/01/2008	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
53	Quyết định	14/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội tình nguyện’ phường 5 quận 3 (Trang Công báo ghi là Quyết định số 74/2007/QĐ-UBND).	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
54	Quyết định	23/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội tình nguyện’ phường 14 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
55	Quyết định	22/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội tình nguyện’ phường 13 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	

56	Quyết định	21/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội tình nguyện’ phường 12 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
57	Quyết định	20/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội tình nguyện’ phường 11 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
58	Quyết định	18/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội tình nguyện’ phường 9 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
59	Quyết định	17/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội tình nguyện’ phường 8 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
60	Quyết định	16/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày	



			tình nguyện' phường 7 quận 3.	30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
61	Quyết định	15/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của 'Tổ Cán sự xã hội tình nguyện' phường 6 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
62	Quyết định	13/2007/QĐ-UBND ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của 'Tổ Cán sự xã hội tình nguyện' phường 4 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
63	Quyết định	12/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của 'Tổ Cán sự xã hội tình nguyện' phường 3 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
64	Quyết định	11/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của 'Tổ Cán sự xã hội tình nguyện' phường 2 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	

65	Quyết định	10/2007/QĐ-UBND, ngày 24/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của ‘Tổ Cán sự xã hội tình nguyện’ phường 1 quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
66	Quyết định	09/2007/QĐ-UBND, ngày 14/6/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ủy quyền cho Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3 được ký tên, đóng dấu UBND quận trên một số văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của UBND quận	Sai sót các kỳ rà soát trước	
67	Quyết định	08/2007/QĐ-UBND, ngày 14/6/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước.	
68	Quyết định	07/2007/QĐ-UBND, ngày 13/6/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ủy quyền cho Trưởng Phòng Y tế quận 3 được ký tên, đóng dấu Ủy ban nhân dân quận trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
69	Quyết định	04/2007/QĐ-UBND, ngày 30/3/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ủy quyền cho Trưởng Phòng Y tế quận 3 được ký tên, đóng dấu	Sai sót các kỳ rà soát trước	

			UBND quận trên một số văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của UBND quận.		
70	Quyết định	03/2007/QĐ-UBND, ngày 26/3/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
71	Quyết định	02/2007/QĐ-UBND, ngày 01/02/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
72	Quyết định	44/2006/QĐ-UBND, ngày 28/12/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
73	Quyết định	43/2006/QĐ-UBND, ngày 26/12/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
74	Quyết định	42/2006/QĐ-UBND, ngày 26/12/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tôn giáo quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
75	Quyết định	101/2006/QĐ-UBND, ngày 03/8/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	

76	Quyết định	39/2006/QĐ-UBND, ngày 12/7/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội “Mái ấm Ga Sài Gòn”	Sai sót các kỳ rà soát trước	
77	Quyết định	38/2006/QĐ-UBND, ngày 12/7/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội “Mái ấm Ánh sáng”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
78	Quyết định	37/2006/QĐ-UBND, ngày 05/7/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về giao chỉ tiêu thu - nộp quỹ phòng, chống lụt, bão đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận 3 năm 2006.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
79	Quyết định	26/2006/QĐ-UBND, ngày 03/7/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 6 quận 3”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
80	Quyết định	36/2006/QĐ-UBND, ngày 21/6/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ủy quyền cho Trưởng phòng Nội vụ quận 3 được ký tên, đóng dấu Ủy ban nhân dân quận trên một số văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận.	Sai sót các kỳ rà soát trước	

81	Quyết định	35/2006/QĐ-UBND, ngày 21/6/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
82	Quyết định	27/2006/QĐ-UBND, ngày 03/4/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 1 quận 3”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
83	Quyết định	25/2006/QĐ-UBND, ngày 03/4/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 7 quận 3”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
84	Quyết định	24/2006/QĐ-UBND, ngày 03/4/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 9 quận 3”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
85	Quyết định	23/2006/QĐ-UBND, ngày 03/4/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường	Sai sót các kỳ rà soát trước	

			10 quận 3”.		
86	Quyết định	22/2006/QĐ-UBND, ngày 03/4/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 11 quận 3”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
87	Quyết định	21/2006/QĐ-UBND, ngày 03/4/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 12 quận 3”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
88	Quyết định	20/2006/QĐ-UBND, ngày 03/4/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 13 quận 3”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
89	Quyết định	19/2006/QĐ-UBND, ngày 03/4/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 14 quận 3”.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
90	Quyết	08/2006/QĐ-UBND,	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt	Sai sót các kỳ rà soát trước	

	định	ngày 17/3/2006	động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 3 quận 3".		
91	Quyết định	07/2006/QĐ-UBND, ngày 03/3/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về việc ban hành quy định về qui trình thực hiện công tác đầu tư xây dựng trên địa bàn Quận 3.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
92	Quyết định	06/2006/QĐ-UBND, ngày 01/3/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 Phê duyệt "Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" thuộc ủy ban nhân dân phường 2 quận 3".	Sai sót các kỳ rà soát trước	
93	Quyết định	07/2006/QĐ-UBND, ngày 17/01/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về việc quy định thời hạn nộp báo cáo quyết toán và xét duyệt, thẩm định.	Sai sót các kỳ rà soát trước	
94	Chỉ thị	01/2013/CT-UBND, ngày 28/02/2013	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Quận năm 2013.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
95	Chỉ thị	05/2012/CT-UBND, ngày 20/12/2012	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về thực hiện công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn, gọi công	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 38/QĐ-UBND, ngày 27/01/2014	

			dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2013.	của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
96	Chỉ thị	04/2012/CT-UBND, ngày 28/8/2012	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
97	Chỉ thị	01/2012/CT-UBND, ngày 12/01/2012	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách quận 3 năm 2012.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
98	Chỉ thị	03/2011/CT-UBND, ngày 15/12/2011	Của Ủy ban nhân dân Quận 3 về thực hiện công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	



			đầu lực lượng dự bị động viên năm 2012.		
99	Chỉ thị	02/2011/CT-UBND, ngày 09/8/2011	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Quận 3 năm 2012.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
100	Chỉ thị	02/2010/CT-UBND, ngày 17/8/2010	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Quận 3 năm 2011.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
101	Chỉ thị	05/2009/CT-UBND, ngày 12/8/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Quận 3 năm 2010.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
102	Chỉ thị	03/2009/CT-UBND, ngày 20/4/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về tăng cường trách nhiệm của Chủ tịch UBND phường, Thủ trưởng các cơ quan thuộc quận trong công tác tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.	Sai sót các kỳ rà soát trước, đã có Quyết định số 39/QĐ-UBND, ngày 27/01/2014 của Ủy ban nhân dân quận công bố hết hiệu lực.	
103	Chỉ thị	02/2009/CT-UBND, ngày 17/3/2009	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng - an ninh năm 2009.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban	

				hành VBQPPL năm 2015.	
104	Chỉ thị	02/2008/CT-UBND, ngày 19/02/2008	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 2008.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
105	Chỉ thị	01/2008/CT-UBND, ngày 14/01/2008	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về thực hiện công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2008.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
106	Chỉ thị	03/2007/CT-UBND, ngày 20/9/2007	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về việc xây dựng lực lượng dân quân phòng không, dân quân cơ động và dân quân thường trực trên địa bàn Quận 3 (từ năm 2006 - 2010).	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
107	Chỉ thị	06/2006/CT-UBND, ngày 28/12/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về thực hiện công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2007.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	

108	Chỉ thị	04/2006/CT-UBND, ngày 24/7/2006	Của Ủy ban nhân dân quận 3 về tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy trong 6 tháng cuối năm 2006 và tiếp tục triển khai Luật Phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn quận.	Sai sót các kỳ rà soát trước, hết thời gian hiệu lực thể hiện trên văn bản theo Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.	
-----	---------	------------------------------------	---	---	--

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng